

THÔNG BÁO HÀNG HẢI
Về thông số kỹ thuật độ sâu luồng hàng hải Quy Nhơn

BĐH - 05 - 2022

Vùng biển: Tỉnh Bình Định.

Tên luồng: Luồng hàng hải Quy Nhơn.

Căn cứ bình đồ độ sâu ký hiệu QN_2209_01 và QN_2209_02, tỷ lệ 1/5000 đo đạc hoàn thành tháng 9/2022, các số liệu liên quan do Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam cung cấp.

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo về thông số kỹ thuật của luồng hàng hải Quy Nhơn như sau:

1. Trong phạm vi đáy luồng hàng hải Quy Nhơn rộng 110 m, chiều dài 6,3 km, được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống báo hiệu hàng hải (BHHH), độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 Hải đồ”:

- Đoạn luồng từ phao BHHH số “0” đến phao BHHH số “7” - 95 m, chiều dài khoảng 3,8 km, độ sâu đạt 9,6 m.

- Đoạn luồng từ phao BHHH số “7” - 95 m đến vũng quay tàu, chiều dài khoảng 2,2 km, độ sâu đạt 9,4 m nằm sát biên trái luồng, độ sâu ở tim luồng đạt 10,7 m.

2. Trong phạm vi khảo sát vũng quay trở tàu được giới hạn bởi đường tròn đường kính 300 m, tâm tại vị trí có tọa độ:

Tâm vũng quay trở tàu	Hệ VN2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
“O”	13°46’44,7”N	109°14’52,0”E	13°46’41,0”N	109°14’58,5”E

- Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 Hải đồ” đạt 8,6 m.

3. Trong phạm vi khảo sát luồng vào khu neo đậu Đầm Thị Nại: Nối tiếp từ thượng lưu vũng quay tàu (tại khu nước phía trước Cầu cảng số 4 - Bến cảng Quy Nhơn) vào đến hết phạm vi khu neo đậu Đầm Thị Nại (tại khu vực hòn Tháp), trong đó đoạn luồng từ thượng lưu cầu cảng số 1 – Bến cảng Quy Nhơn đến khu hòn Tháp được sử dụng chung với khu nước bố trí các điểm neo đậu tàu và được phân định thành 02 lối ra vào nằm đối xứng 02 bên trục các điểm neo

đậu có chiều dài 2,6 km, chiều rộng luồng 80 m, tuyến luồng tận dụng độ sâu tự nhiên có tọa độ tim tuyến xác định theo bảng sau:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
1. Tim tuyến luồng phía bên trái khu neo đậu				
TN1	13 ⁰ 46'53,8" N	109 ⁰ 14'47,2" E	13 ⁰ 46'50,0" N	109 ⁰ 14'53,8" E
TN2	13 ⁰ 47'10,0" N	109 ⁰ 14'21,4" E	13 ⁰ 47'06,3" N	109 ⁰ 14'27,9" E
TN3	13 ⁰ 47'18,7" N	109 ⁰ 14'14,2" E	13 ⁰ 47'15,0" N	109 ⁰ 14'20,7" E
TN4	13 ⁰ 47'26,7" N	109 ⁰ 14'10,4" E	13 ⁰ 47'23,0" N	109 ⁰ 14'16,9" E
TN5	13 ⁰ 47'37,4" N	109 ⁰ 14'06,8" E	13 ⁰ 47'33,7" N	109 ⁰ 14'13,3" E
TN6	13 ⁰ 47'46,6" N	109 ⁰ 14'06,3" E	13 ⁰ 47'42,9" N	109 ⁰ 14'12,8" E
TN7	13 ⁰ 47'48,9" N	109 ⁰ 14'08,6" E	13 ⁰ 47'45,2" N	109 ⁰ 14'15,1" E
2. Tim tuyến luồng phía bên phải khu neo đậu				
TN8	13 ⁰ 47'46,6" N	109 ⁰ 14'10,9" E	13 ⁰ 47'42,9" N	109 ⁰ 14'17,4" E
TN9	13 ⁰ 47'38,1" N	109 ⁰ 14'11,5" E	13 ⁰ 47'34,4" N	109 ⁰ 14'18,0" E
TN10	13 ⁰ 47'28,4" N	109 ⁰ 14'14,7" E	13 ⁰ 47'24,7" N	109 ⁰ 14'21,2" E
TN11	13 ⁰ 47'21,0" N	109 ⁰ 14'18,3" E	13 ⁰ 47'17,3" N	109 ⁰ 14'24,8" E
TN12	13 ⁰ 47'13,6" N	109 ⁰ 14'23,7" E	13 ⁰ 47'09,9" N	109 ⁰ 14'30,2" E
TN13	13 ⁰ 47'03,3" N	109 ⁰ 14'32,1" E	13 ⁰ 46'59,6" N	109 ⁰ 14'38,6" E

- Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước "số 0 Hải đồ" đạt 3,1 m.

Lưu ý: Các đáy cá di động xuất hiện rải rác trên đoạn luồng từ phao BHHH số "16" đến khu vực Hòn Tháp.

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI

Các phương tiện hàng hải trên tuyến luồng hàng hải Quy Nhơn căn cứ thông báo hàng hải, bình đồ độ sâu và hệ thống báo hiệu hàng hải dẫn luồng để có biện pháp hàng hải an toàn. Lưu ý các đáy cá di động và tuyệt đối tuân thủ sự điều động của Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn./.

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn;
- Cty TNHH MTV Hoa tiêu KV VII;
- Cty TNHH MTV Thông tin điện tử Hàng hải VN;
- Lãnh đạo Tổng công ty BĐATHH miền Nam;
- Website www.vms-south.vn;
- Phòng KTKH, KT, HTQT&QLHT;
- Lưu VT, P. ATHH^{Nhiên}.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



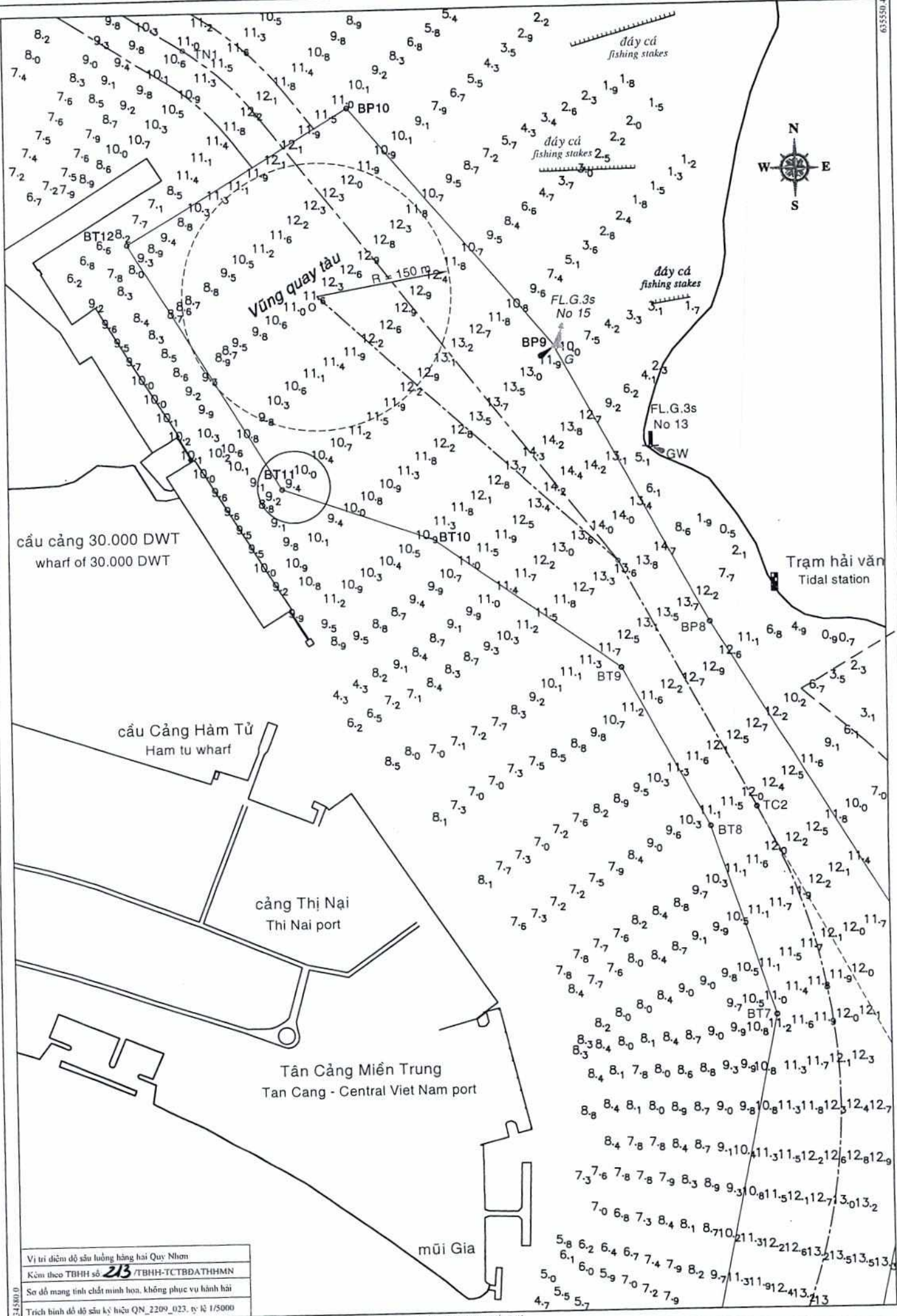
Đình Thái Công



Danh sách nơi nhận kèm theo

- 1 Bộ Tư lệnh Hải quân
- 2 Cục Đường thủy nội địa Việt Nam
- 3 Chi Cục Đường sông phía Nam
- 4 Cục Cảnh sát biển
- 5 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 - XNLD Dầu khí Vietsovpetro (VSP)
 - Tổng Cty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC)
 - Tổng Cty Thăm dò khai thác Dầu khí (PVEP)
 - Tổng Cty Vận tải Dầu khí (PVTrans)
 - Cty CP Vận tải SP Khí quốc tế (Gas shipping)
 - Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu miền Nam (NASOS)
- 6 Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
- 7 Tổng Cty Hàng hải Việt Nam
 - Công ty Vận tải Biển Đông (BISCO)
 - Công ty Vận tải biển container Vinalines (VCSC)
 - Công ty Vận tải biển Vinalines (VLC)
 - Công ty CP Hàng hải Đông Đô (DONG DO MARINE)
 - Cty CP VT biển & Hợp tác LĐ Q tế (INLACO SAIGON)
 - Công ty CP Hàng hải Vinalines Nha Trang
- 8 Đại lý Hàng hải Sài Gòn (Vosa Sài Gòn)
- 9 Đài tiếng nói nhân dân Tp.Hồ Chí Minh
- 10 Công ty Vận tải và Thuê tàu biển VN (VITRANSCHART)
- 11 Công ty Vận tải biển VN (VOSCO)
- 12 Công ty Vận tải biển III (VINASHIP)
- 13 Đài thông tin Duyên hải Tp.Hồ Chí Minh
- 14 Đài Thông tin Duyên hải Quy Nhơn
- 15 Cty Vận tải xăng dầu đường biển
- 16 Cty Vận tải Thủy Bắc
- 17 Cty VT và cung ứng xăng dầu đường thủy I
- 18 Cty Vận tải biển Sài Gòn
- 19 Trường Cao đẳng nghề hàng hải TP.HCM
- 20 Trường Đại học GTVT TP.HCM
- 21 Cảng Sài Gòn
- 22 XN Tàu dịch vụ dầu khí
- 23 Chi nhánh 1 – Công ty Cổ phần Trục vớt Cứu hộ Việt Nam
- 24 Công ty Phương Nam - Bộ Quốc phòng
- 25 Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam
- 26 Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Nam Trung Bộ
- 27 Sở GTVT tỉnh Bình Định
- 28 Sở NN&PTNT tỉnh Bình Định
- 29 Bộ đội biên phòng cửa khẩu tỉnh Bình Định

010
ÔNG
Y BÀ
HÀ
NNA
C.B.A.F



cầu cảng 30.000 DWT
wharf of 30.000 DWT

cầu Cảng Hàm Tử
Ham tu wharf

cảng Thị Nai
Thi Nai port

Tân Cảng Miền Trung
Tan Cang - Central Viet Nam port

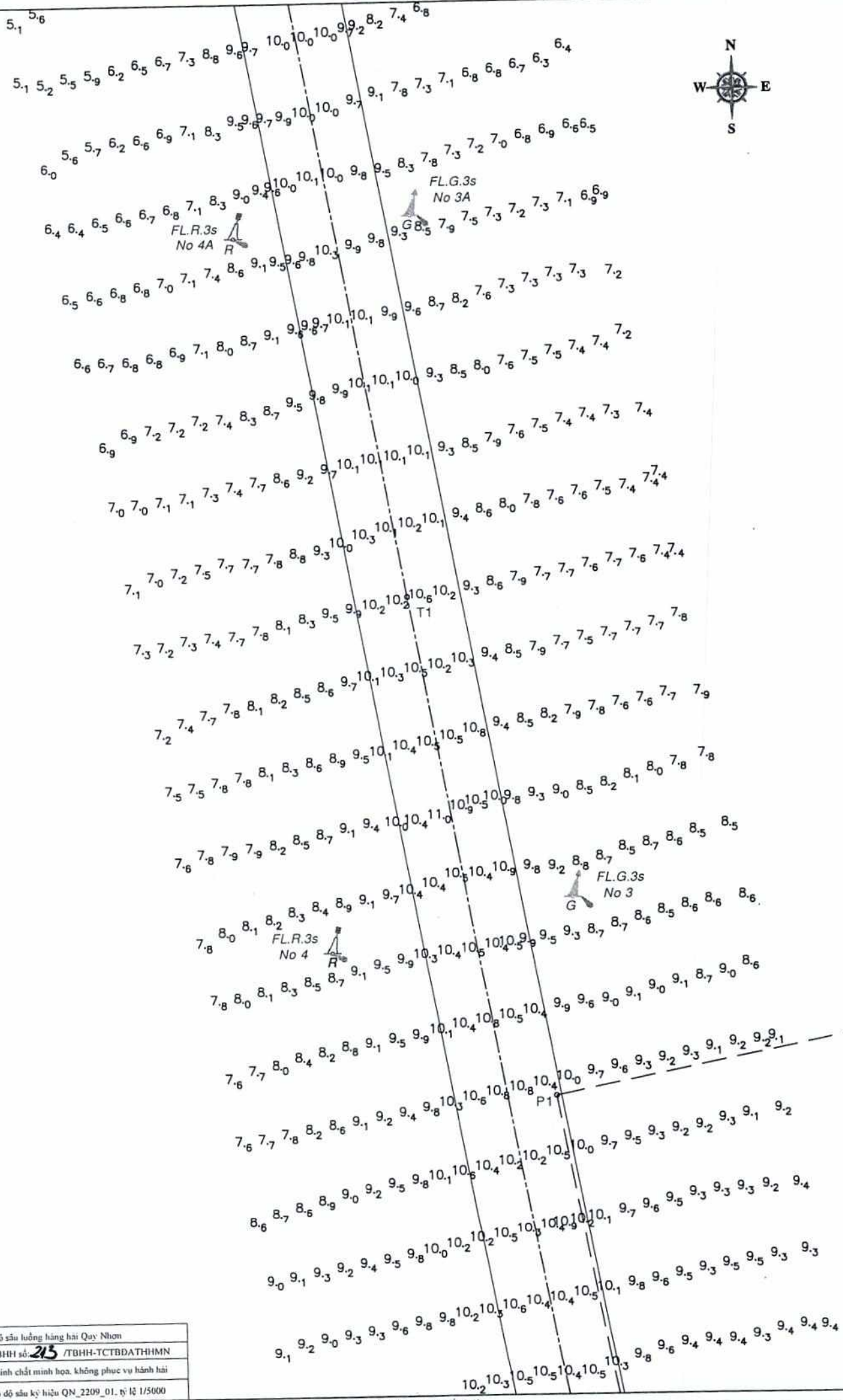
mũi Gia

Trạm hải văn
Tidal station



Vị trí diện độ sâu lượng hàng hai Quy Nhơn
 Kèm theo TBHH số 213/TBHH-TCTBDATHHNM
 Sơ đồ mang tính chất minh họa, không phục vụ hành hải
 Trích bình đồ đồ sâu ký hiệu QN_2209_023, tỷ lệ 1/5000
 1522959.1

ĐÀ
3 H
1
H
V
U



Vị trí diễn đồ sâu luồng hàng hải Quy Nhơn
 Kèm theo TBHH số **215** /TBHH-TCTBDATHHMN
 Sơ đồ mang tính chất minh họa, không phục vụ hàng hải
 Trích bình đồ độ sâu ký hiệu QN_2209_01, tỷ lệ 1/5000